

Thái độ của thanh thiếu niên Hà Nội về quan hệ tình dục trước hôn nhân và các yếu tố tác động

Nguyễn Hà Đông

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Sử dụng số liệu của cuộc Điều tra về tình dục và sức khỏe sinh sản của thanh thiếu niên Hà Nội năm 2006, bài viết phân tích thái độ của thanh thiếu niên về quan hệ tình dục trước hôn nhân và các yếu tố tác động đến thái độ này. Kết quả cho thấy thanh thiếu niên Hà Nội nhìn chung không ủng hộ quan hệ tình dục trước hôn nhân, nhưng họ có cái nhìn cởi mở hơn so với các quan điểm truyền thống. Tỷ lệ ủng hộ quan hệ tình dục trước hôn nhân tăng lên trong trường hợp có sử dụng biện pháp tránh thai. Việc chấp nhận quan hệ tình dục trước hôn nhân ở thanh thiếu niên chịu ảnh hưởng mạnh bởi yếu tố giới tính và việc họ đã có quan hệ tình dục. Nỗi lo ngại cha mẹ tức giận làm giảm mức độ đồng tình với quan hệ tình dục trước hôn nhân của thanh thiếu niên. Trong khi đó, các yếu tố tiếp cận với tài liệu khiêu dâm, có phần lớn bạn thân đã quan hệ tình dục và cảm giác bị hấp dẫn bởi người khác giới làm tăng khả năng chấp nhận hành vi này.

Từ khóa: Thanh thiếu niên; Quan hệ tình dục; Quan hệ tình dục trước hôn nhân.

1. Đặt vấn đề

Việc tìm hiểu thái độ của thanh thiếu niên ngày nay về quan hệ tình dục trước hôn nhân có vai trò rất quan trọng trong việc định hướng cho

cá nhân. Vì tình dục là phần không thể thiếu trong trải nghiệm của con người, một hiện tượng phức tạp với những khía cạnh thể chất, tình cảm, xã hội và tâm linh. Trong khi mang đậm tính cá nhân, tình dục lại xảy ra trong các bối cảnh xã hội, kinh tế, văn hóa, chính trị và tôn giáo cụ thể - những yếu tố quy định một cách sâu sắc khả năng và trải nghiệm tình dục của cá nhân (Susan Wood, 2007). Ở nước ta, ảnh hưởng của Nho giáo hàng nghìn năm khiến cho quan niệm về tình dục trước hôn nhân trở nên khắt khe hơn, đặc biệt với phụ nữ. Quan hệ tình dục (QHTD) trước hôn nhân từng là một điều cấm kỵ và hình phạt dành cho người vi phạm chuẩn mực này rất nặng nề.

Quá trình toàn cầu hóa cùng với ảnh hưởng của văn hóa phương Tây đã hình thành những quan niệm mới và dường như cái nhìn của xã hội về QHTD trước hôn nhân cũng trở nên cởi mở hơn. Môi trường xã hội hiện đại và các phương tiện truyền thông đại chúng khuyến khích sự thử nghiệm tình dục khiến cho việc giữ được trinh tiết đến khi cưới trở nên khó khăn hơn (Ngô Đức Anh, 2009). Những biểu hiện tình dục công khai của vị thành niên và thanh niên (VTN và TN) rõ ràng là khác biệt với sự kiềm chế tình dục trước hôn nhân và quan niệm trinh tiết vẫn đang được nhấn mạnh trong các văn bản chính thức và qua các phương tiện thông tin đại chúng. Thậm chí, có quan điểm cho rằng “tình dục đang có xu hướng tách khỏi hôn nhân thành một thực thể độc lập” (Khuất Thu Hồng, 2009). Có sự lo ngại ngày càng tăng xung quanh vấn đề tình dục của giới trẻ Việt Nam đương đại (Gammeltolf, 2006).

Các nghiên cứu về tình dục ở Việt Nam cho đến nay chủ yếu tập trung vào thực trạng và hậu quả của QHTD, chẳng hạn như về thực trạng QHTD (Gammeltolf, 2006; Ghuman, Vũ Mạnh Lợi, Vũ Tuấn Huy và Knodel, 2005; Mensch, Clark và Đặng Nguyễn Anh, 2002), nạo phá thai (Gammeltolf và Nguyễn Minh Thắng, 1999; Khuất Thu Hồng và Belanger, 1996), mãi - mại dâm (Khuất Thu Hồng và cộng sự, 1997; Population Council, 1997). Một số nghiên cứu đã tìm hiểu quan điểm của VTN và TN về QHTD trước hôn nhân. Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng so với các thế hệ trước, giới trẻ hiện nay cởi mở hơn với QHTD trước hôn nhân. Họ hiểu biết khá sớm về các vấn đề giới tính, tình dục và những chuyện liên quan đến tình dục không còn là một “lãnh địa cấm” mà được nói đến công khai, rộng rãi ở nhiều nơi (Khuất Thu Hồng, 2009; Khuất Thu Hồng, 1998). Tuy nhiên, các nghiên cứu này thường diễn ra trên phạm vi nhỏ hoặc là nghiên cứu định tính.

Điều tra quốc gia về VTN và TN Việt Nam (SAVY) (Bộ Y tế, 2005) là cuộc điều tra quy mô và toàn diện nhất từ trước đến nay về đối tượng thanh

thiếu niên với 7584 thanh thiếu niên được phỏng vấn. Cuộc điều tra đã tìm hiểu về thực trạng QHTD trước hôn nhân (độ tuổi QHTD lần đầu, nơi QHTD lần đầu, đối tượng quan hệ, v.v.), cũng như quan điểm của thanh thiếu niên về vấn đề này trong một số điều kiện, hoàn cảnh nhất định. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhìn chung thanh thiếu niên không ủng hộ QHTD trước hôn nhân. Tỷ lệ đồng tình của nam cao hơn nữ và tăng theo độ tuổi.

Cuộc điều tra về tình dục và sức khỏe sinh sản của VTN và TN Hà Nội năm 2006 cũng là cuộc điều tra có quy mô lớn tập trung ở địa bàn Hà Nội. Nghiên cứu này phân tích số liệu của điều tra này với dung lượng mẫu là 6363 thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15-24, được tiến hành tại 7 quận: Cầu Giấy, Đống Đa, Ba Đình, Thanh Xuân, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai và 5 huyện: Sóc Sơn, Đông Anh, Thanh Trì, Gia Lâm và Từ Liêm. Thông tin được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp bằng bảng hỏi và người trả lời tự điền những nội dung nhạy cảm liên quan đến tình dục. Vì thái độ đối với QHTD trước hôn nhân có thể rất khác biệt giữa người đã kết hôn và độc thân, nghiên cứu này chỉ tiến hành phân tích trên 6204 VTN và TN chưa kết hôn (97,5%).

Nội dung chính của bài viết tập trung tìm hiểu thái độ của VTN và TN Hà Nội đối với QHTD trước hôn nhân và các yếu tố tác động đến thái độ chấp nhận hành vi này.

2. Thái độ về quan hệ tình dục trước hôn nhân

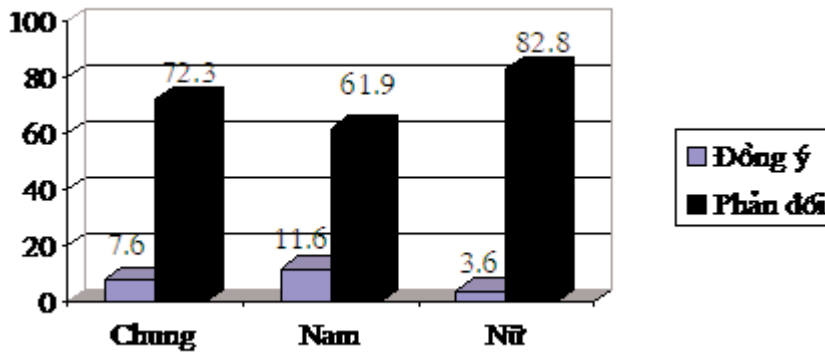
2.1. Tỷ lệ chấp nhận quan hệ tình dục trước hôn nhân

Thái độ của thanh thiếu niên Hà Nội đối với QHTD trước hôn nhân được nghiên cứu thông qua ý kiến của họ trước ba trường hợp giả định cụ thể gồm: “Phụ nữ và nam giới nên QHTD trước khi đính hôn để xem có hợp nhau không”; “Nếu có cơ hội, hầu hết những người chưa kết hôn ở độ tuổi tôi sẽ không từ chối QHTD” và “Phụ nữ và nam giới có thể QHTD trước khi kết hôn nếu họ sử dụng các biện pháp tránh thai”.

Kết quả điều tra VTN và TN Hà Nội cho thấy nhìn chung, thanh thiếu niên không chấp nhận QHTD trước hôn nhân: trong ba trường hợp QHTD được nêu ra, không có một ý kiến nào được quá 50% số người được hỏi ủng hộ. Hơn 50% thanh thiếu niên được hỏi vẫn đề cao chuẩn mực “không QHTD trước hôn nhân”, họ không chấp nhận QHTD trong bất cứ một tình huống nào được nêu ra. Tùy theo hoàn cảnh cụ thể, mức độ ủng hộ QHTD trước hôn nhân có sự thay đổi đáng kể.

Ý kiến “phụ nữ và nam giới nên QHTD trước khi đính hôn để xem có

Biểu 1. Thái độ trước ý kiến “nên QHTD trước khi đính hôn để xem có hợp không” (%)



hợp nhau không” bị phản đối nhiều nhất với 72,3%. Điều này cho thấy VTN và TN không coi QHTD là một “phép thử” để tiến tới hôn nhân. Ở nước ta, kết hôn là sự kiện trọng đại không chỉ của cá nhân mà của gia đình, dòng họ và phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Tiêu chuẩn chọn bạn đời thường dựa vào các đặc điểm tính cách, đạo đức, công việc, gia đình hoặc ngoại hình. Theo thời gian, vai trò và tầm quan trọng của các yếu tố này có sự thay đổi nhưng yếu tố “hòa hợp về QHTD” chưa được coi là một tiêu chuẩn để kết hôn. Như vậy, quan niệm về hôn nhân đã tồn tại hàng ngàn năm ở nước ta vẫn còn ảnh hưởng rất lớn đến quan niệm lựa chọn bạn đời của VTN và TN Hà Nội. Tuy nhiên, tỷ lệ 7,6% VTN và TN được điều tra ủng hộ quan điểm này cho thấy VTN và TN bước đầu đã quan tâm đến sự hòa hợp giữa vợ chồng trong đời sống tình dục (Biểu 1).

Nam giới dường như coi trọng việc hòa hợp giữa vợ chồng trong QHTD hơn so với nữ: có 11,6%, nam đồng tình với ý kiến này, cao gấp 3 lần so với nữ (3,6%). Điều này có thể do ảnh hưởng từ quan niệm phổ biến ở nước ta cho rằng nam giới có nhu cầu cao hơn, còn phụ nữ có thể sống mà không có tình dục, vì tình dục đối với phụ nữ chỉ là sinh đẻ. Vì vậy, nam giới dễ thừa nhận nhu cầu tình dục hơn phụ nữ. Nghiên cứu của Khuất Thu Hồng cũng cho thấy tình dục vì khoái cảm đang chứng tỏ chỗ đứng trong đời sống của những người thuộc nhóm tuổi 15-24 (Khuất Thu Hồng, 2009).

Tỷ lệ VTN và TN đồng ý với ý kiến “Nếu có cơ hội, hầu hết những người chưa kết hôn ở tuổi tôi sẽ không từ chối QHTD” chiếm 19,5% số

Bảng 1. Thái độ của VTN và TN về QHTD trước hôn nhân khi có cơ hội và khi sử dụng các biện pháp tránh thai theo giới tính và độ tuổi (%)

	Khi có cơ hội		Sử dụng các biện pháp tránh thai	
	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý
Chung	19,5	52,9	31,9	38,7
Theo giới tính				
Nam	29,6	36,4	43,9	26,8
Nữ	9,3	69,7	19,7	50,7
Theo độ tuổi				
15-17	13,6	61,0	28,2	38,0
18-21	19,8	51,8	31,8	40,2
22-24	25,2	46,7	35,8	36,7

người được hỏi. Cơ hội ở đây có thể là thời gian, địa điểm hoặc bạn tình cho phép nhưng không ràng buộc yếu tố QHTD an toàn, hay gắn với tình yêu hoặc hôn nhân. Điều này đồng nghĩa với việc có một bộ phận thanh thiếu niên có thể chấp nhận QHTD trước hôn nhân bất chấp những hậu quả có thể xảy ra, hoặc họ chưa lường hết những rủi ro. Số liệu này phần nào lý giải cho hiện tượng mang thai trước hôn nhân ở một số không nhỏ VTN và TN hiện nay.

Có sự khác biệt khá lớn giữa tỷ lệ đồng ý của nam và nữ về QHTD trước hôn nhân khi có cơ hội: có 29,6% nam so với 9,3% nữ. Phải chăng điều này là do nam giới ít phải gánh chịu các hệ quả của QHTD trước hôn nhân hơn so với nữ và dư luận thường dễ đồng tình với hành vi này ở nam hơn nữ? VTN và TN ở nhóm tuổi 22-24 dễ chấp nhận ý kiến về QHTD trước hôn nhân khi có cơ hội hơn so với những nhóm ít tuổi hơn, tỷ lệ đồng tình là 25,2% so với 19,8% ở nhóm tuổi 18-21 và 13,6% ở nhóm tuổi 15-17. Đáng chú ý là nam VTN và TN chấp nhận QHTD trước hôn nhân có sử dụng biện pháp tránh thai cao gấp đôi nữ: 43,9% so với 19,7%. Đồng thời, độ tuổi của VTN và TN càng lớn thì tỷ lệ đồng ý càng cao với ý kiến về QHTD trước hôn nhân có sử dụng biện pháp tránh thai nhưng mức chênh lệch giữa các nhóm tuổi không quá khác biệt. Tỷ lệ ủng hộ quan điểm này ở các nhóm tuổi 22-24; 18-21 và 15-17 lần lượt là 35,8%; 31,8% và 28,2% (Bảng 1).

Như vậy, tỷ lệ VTN và TN chấp nhận QHTD trước hôn nhân tăng lên khi yếu tố QHTD an toàn được đảm bảo. Ý kiến “Phụ nữ và nam giới có thể QHTD trước khi kết hôn nếu họ sử dụng các biện pháp tránh thai” có tỷ lệ đồng tình cao nhất trong số 3 ý kiến về QHTD trước hôn nhân (31,9%). Điều này cho thấy QHTD trước hôn nhân không chỉ được xem xét về khía cạnh đạo đức, chuẩn mực xã hội mà còn được nhìn nhận ở góc độ hậu quả xã hội, cá nhân và mức độ an toàn của hành vi. Tuy cởi mở hơn với QHTD trước hôn nhân nhưng VTN và TN Hà Nội cũng phần nào ý thức được những hậu quả ngoài ý muốn nếu QHTD không an toàn.

Dựa trên việc phân tích thái độ của VTN và TN đối với QHTD trước hôn nhân trong ba tình huống nêu trên, có thể thấy thanh thiếu niên Hà Nội có cái nhìn khá nghiêm túc về tình dục. Chuẩn mực không QHTD trước hôn nhân vẫn còn ý nghĩa kiểm soát nhất định đối với VTN và TN Hà Nội. Tỷ lệ VTN và TN ủng hộ QHTD trước hôn nhân không cao nhưng có xu hướng cởi mở hơn, đặc biệt là khi đảm bảo QHTD an toàn. Điều này chứng tỏ VTN và TN đã dần vượt ra khỏi chuẩn mực truyền thống không QHTD trước hôn nhân, nhất là đối với phụ nữ. Nói cách khác, chuẩn mực không QHTD trước hôn nhân dù vẫn được tôn trọng nhưng không còn ý nghĩa tuyệt đối như trước.

3. Các yếu tố tác động đến thái độ chấp nhận quan hệ tình dục trước hôn nhân

Kết quả phân tích ở trên cho thấy thái độ của VTN và TN Hà Nội với QHTD trước hôn nhân đang dần cởi mở hơn. Vì vậy, làm rõ các yếu tố tác động đến thái độ của thanh thiếu niên với QHTD trước hôn nhân có vai trò quan trọng trong việc định hướng các hình thức can thiệp, chăm sóc sức khỏe sinh sản/tình dục. Bài viết sử dụng mô hình đa biến bằng phương trình hồi quy phi tuyến tính logistic nhằm kiểm nghiệm các yếu tố thực sự ảnh hưởng đến thái độ chấp nhận QHTD trước hôn nhân của thanh thiếu niên. Tuy nhiên, phân tích tương quan hai biến, ba biến được tiến hành trước để xác định những yếu tố có thể ảnh hưởng đến biến phụ thuộc.

Các biến độc lập được sử dụng để phân tích bao gồm: các yếu tố thuộc về đặc điểm nhân khẩu học của VTN và TN (độ tuổi; học vấn; giới tính; có QHTD hay chưa), mối quan hệ với gia đình (mức độ gần gũi với cha/mẹ; trao đổi với cha/mẹ về vấn đề tình dục; cách trả lời của cha/mẹ khi con hỏi về các vấn đề tình dục; nỗi lo sợ cha mẹ tức giận); tiếp cận với truyền thông đại chúng (sử dụng Internet; xem phim/sách báo khiêu dâm), nhóm bạn (QHTD để hòa nhập với bạn bè, phần lớn bạn thân đã có QHTD); và yếu tố bạn khác phái (đã từng hẹn hò với bạn khác phái; bị hấp

dẫn bởi người khác phái).

Biến phụ thuộc là có đồng ý với một trong ba ý kiến về QHTD trước hôn nhân của VTN và TN Hà Nội (mã 1= có, 0 = không).

Đặc điểm nhân khẩu học

Kết quả phân tích hai biến cho thấy các đặc điểm nhân khẩu học có ảnh hưởng đến thái độ của VTN và TN với QHTD trước hôn nhân. Nam VTN và TN dễ chấp nhận QHTD trước hôn nhân hơn so với nữ, tỷ lệ tương ứng là 56,7% và 26,6%. Nhóm tuổi 15-17 ít đồng tình với QHTD trước hôn nhân hơn nhóm tuổi 18-21 và 22-24, cụ thể 36,7% so với 41,8% và 46,9%. Tuy nhiên, khi phân tích ba biến, yếu tố độ tuổi chỉ ảnh hưởng tới nhóm nam với tỷ lệ tăng dần theo 3 nhóm tuổi từ thấp đến cao lần lượt là 47,4%; 57,6% và 64%.

Có 44,1% VTN và TN có trình độ học vấn trên phổ thông trung học ủng hộ QHTD trước hôn nhân, cao hơn so với nhóm có trình độ phổ thông trung học và dưới phổ thông trung học (42,5% và 39,8%). Tuy nhiên, mối quan hệ giữa trình độ học vấn với thái độ chấp nhận QHTD trước hôn nhân không có ý nghĩa về mặt thống kê, tương tự với kết quả phân tích sâu điều tra SAVY (Ministry of Health, 2006).

Phân tích mối quan hệ giữa việc đã có QHTD và thái độ của thanh thiếu niên với QHTD trước hôn nhân cho thấy những VTN và TN đã có QHTD thường dễ chấp nhận hành vi này hơn. Có 84,2% VTN và TN đã có QHTD ủng hộ tình dục trước hôn nhân trong khi tỷ lệ này ở nhóm còn lại là 39,8%. Đáng chú ý là có 15,8% thanh thiếu niên đã có QHTD không đồng tình với QHTD trước hôn nhân. Phải chăng có một bộ phận VTN và TN đã nghĩ lại và/hoặc cảm thấy ân hận sau khi có QHTD trước hôn nhân nên họ không chấp nhận hành vi này?

Quan hệ với gia đình

Mối quan hệ với gia đình được thể hiện qua mức độ gần gũi với cha/mẹ, mức độ trao đổi với cha/mẹ các vấn đề liên quan đến tình dục và nỗi lo sợ nếu cha mẹ biết họ có QHTD trước hôn nhân

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ đồng tình với QHTD trước hôn nhân của các nhóm VTN và TN có mức độ gần gũi khác nhau với người cha không chênh lệch đáng kể. Ngược lại, việc gần gũi với mẹ có tác dụng tích cực trong việc ngăn ngừa thanh thiếu niên chấp nhận QHTD trước hôn nhân. Tỷ lệ VTN và TN rất gần gũi với mẹ chấp nhận QHTD trước hôn nhân thấp hơn nhóm tương đối gần gũi và không/ít gần gũi với mẹ. Có thể khi VTN và TN gần gũi với mẹ, người mẹ có nhiều cơ hội để trao đổi, chia

sẽ những giá trị, chuẩn mực gia đình cho họ, trong đó có chuẩn mực “không QHTD trước hôn nhân”.

Dù ngày càng có nhiều bằng chứng khoa học chứng minh rằng giáo dục tình dục không làm tăng hoạt động QHTD trong thanh thiếu niên, nhưng không ít gia đình vẫn lo lắng rằng hoạt động này có thể khuyến khích họ thử nghiệm tình dục (Anna Runeborg, 2004; Population Council, 1998). Vì vậy, mức độ thanh thiếu niên trao đổi với các thành viên trong gia đình về chủ đề này không cao. Kết quả điều tra thanh niên Hà Nội cho thấy có 22,1% số VTN và TN được hỏi có trao đổi với mẹ và 8,5% trao đổi với cha các vấn đề liên quan đến tình dục. Việc người mẹ hạn chế trao đổi các vấn đề tình dục với thanh thiếu niên vì sợ “vẽ đường cho hươu chạy” dường như không có tác dụng trong việc ngăn ngừa họ chấp nhận QHTD trước hôn nhân. Có 43,7% VTN và TN không trao đổi với mẹ các vấn đề tình dục có thể chấp nhận QHTD trước hôn nhân trong khi tỷ lệ ở nhóm có trao đổi với mẹ là 34,7%. Ngược lại, VTN và TN có trao đổi với cha các vấn đề tình dục lại có xu hướng ủng hộ QHTD trước hôn nhân cao hơn nhóm còn lại: 52,4% so với 40,7%. Dường như nội dung trao đổi giữa thanh thiếu niên với cha và mẹ về tình dục có sự khác biệt. Tuy nhiên, những thông tin thu được từ nghiên cứu này chưa cho phép lý giải điều đó.

Phân tích tương quan giữa nỗi lo sợ “bố mẹ sẽ rất tức giận nếu tôi có QHTD trước khi kết hôn” với việc đồng ý QHTD trước hôn nhân cho thấy nhóm thanh thiếu niên lo sợ bố mẹ tức giận ít chấp nhận QHTD trước hôn nhân hơn so với nhóm còn lại (62,4% so với 37,2%). Số liệu này cho thấy sự nghiêm khắc của cha mẹ tỷ lệ thuận với khả năng trì hoãn QHTD trước hôn nhân ở VTN và TN. Tuy nhiên, khi phân tích ba biến, sự kiểm soát này chỉ có ý nghĩa đối với nhóm nam giới với tỷ lệ đồng tình với QHTD trước hôn nhân trong nhóm lo sợ và không sợ cha mẹ buồn lần lượt là 72,7% và 53,6%.

Nhóm bạn

Nhóm bạn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành quan niệm của thanh thiếu niên. Để khảo sát tác động của nhóm bạn đến thái độ chấp nhận QHTD trước hôn nhân của VTN và TN, chúng tôi tìm hiểu mối quan hệ giữa việc chấp nhận một trong ba tình huống QHTD trước hôn nhân được nêu ra với hai khía cạnh: (i) phần lớn bạn thân đã có QHTD; (ii) QHTD trước hôn nhân để hòa nhập và chứng tỏ mình với bạn bè.

Trong những VTN và TN có phần lớn bạn thân đã QHTD, 63,1% có thể chấp nhận hiện tượng này, cao gần gấp đôi nhóm không có bạn thân đã QHTD (38,6%). Dường như khi phần lớn bạn thân đã QHTD, hành vi này

đối với họ trở nên ít vi phạm chuẩn mực hơn và dễ chấp nhận hơn. Điều này đúng với cả nhóm nam và nữ thanh thiếu niên.

Ảnh hưởng của nhóm bạn còn thể hiện ở việc một số VTN và TN cảm thấy cần phải QHTD trước hôn nhân để hòa nhập hoặc chứng tỏ với bạn bè. Những người phải chịu áp lực này có xu hướng chấp nhận QHTD trước hôn nhân cao hơn nhóm còn lại, tỷ lệ tương ứng là 66,7% và 41,1%. Phải chăng, có QHTD trước hôn nhân đang trở thành một chuẩn mực mới trong một nhóm thanh thiếu niên?

Đáng chú ý là mức chênh lệch giữa tỷ lệ VTN và TN chấp nhận QHTD trước hôn nhân ở những thanh thiếu niên cần và không cần QHTD trước hôn nhân để chứng tỏ mình ở nhóm nữ cao hơn nam. Tỷ lệ nữ cần chứng tỏ mình có thể chấp nhận QHTD trước hôn nhân cao gấp đôi nhóm còn lại, tỷ lệ tương ứng là 52% và 26,4% (chênh 25,6 điểm %). Trong khi đó, nhóm nam cần chứng tỏ mình với bạn bè chấp thuận QHTD trước hôn nhân đạt 69,3%, cao hơn so với nhóm không cần chứng tỏ mình 13,1%. Tuy nhiên, dữ liệu không cho phép nghiên cứu giải thích sâu vấn đề này.

Bạn khác phái

Kết quả khảo sát cho thấy một tỷ lệ rất lớn VTN và TN Hà Nội đã từng cảm thấy hấp dẫn và muốn gần gũi về mặt thể xác với người khác giới (73,9%). Điều này cũng phù hợp với sự phát triển tính dục và ham muốn giới tính ở lứa tuổi này. Nhóm thanh thiếu niên này thường dễ đồng ý với một trong ba trường hợp QHTD trước hôn nhân được nêu ra hơn so với những người chưa có cảm giác này: 47,6% so với 27,6%. Kết quả này đúng với cả nhóm nam và nữ nhưng mức chênh lệch giữa tỷ lệ đồng tình với QHTD trước hôn nhân ở nhóm nam đã từng và chưa bị hấp dẫn bởi bạn khác giới cao hơn so với tỷ lệ này ở nhóm nữ (19,7% so với 9,8%).

Việc VTN và TN đã từng hẹn hò với bạn khác giới tỷ lệ thuận với mức độ đồng tình với quan hệ tình QHTD trước hôn nhân. Có 47,2% VTN và TN đã từng hẹn hò với bạn khác phái chấp nhận QHTD trước hôn nhân trong khi tỷ lệ này ở nhóm chưa từng hẹn hò là 34,9%. Cả nam và nữ thanh thiếu niên đã hẹn hò với bạn khác giới đều dễ đồng tình với QHTD trước hôn nhân hơn so với nhóm chưa có hành vi này. Như vậy, việc hẹn hò và cảm giác muốn gần gũi về thể xác với bạn khác giới đều làm tăng tỷ lệ chấp thuận QHTD trước hôn nhân của VTN và TN Hà Nội.

Truyền thông đại chúng

Truyền thông đại chúng đã trở thành nguồn cung cấp thiết yếu các thông tin về sức khỏe sinh sản/tình dục đối với thanh thiếu niên, đặc biệt

là Internet. Qua Internet các bạn trẻ có thể tìm hiểu về cuộc sống hiện đại, mang tính toàn cầu và những quan điểm khác nhau về tình dục khi họ bắt đầu xây dựng nhân dạng của mình (Ngô Đức Anh, 2009). Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ VTN và TN có truy cập Internet đồng tình với QHTD trước hôn nhân ở 1 trong 3 trường hợp chúng tôi nêu ra cao hơn so với những người không truy cập Internet: 42,4% so với 37,8%. Tuy nhiên, khi phân tích ba biến, kết quả cho thấy việc truy cập Internet chỉ có ý nghĩa đối với nhóm nữ nhưng mức chênh lệch không lớn.

Sự phát triển của Internet giúp cho việc tiếp cận và phổ biến sách báo, phim ảnh về tình dục, trong đó có nội dung khiêu dâm trở nên dễ dàng hơn. Trong số 6204 VTN và TN được khảo sát, có 30,4% đã từng xem, nghe hoặc đọc tài liệu khiêu dâm. Những VTN và TN đã tiếp xúc với loại tài liệu này thường ủng hộ QHTD trước hôn nhân ở mức độ khá cao so với nhóm chưa tiếp xúc (60,8% so với 33,4%). Nhóm nam đã xem/đọc tài liệu khiêu dâm có tỷ lệ chấp nhận QHTD trước hôn nhân là 66,8%, cao hơn so với nhóm nam còn lại (47,1%). Tỷ lệ này ở nhóm nữ tương ứng là 36,4% và 25,3%.

Phân tích tương quan hai biến, ba biến nêu trên cho thấy các biến số độc lập ảnh hưởng đến tỷ lệ đồng tình với QHTD trước hôn nhân của VTN và TN Hà Nội bao gồm: giới tính, độ tuổi, việc đã có QHTD, mức độ gần gũi với mẹ, mức độ trao đổi với cha/mẹ các vấn đề liên quan đến tình dục, nỗi lo sợ cha mẹ tức giận, phần lớn bạn thân đã QHTD, cảm giác cần hòa nhập với bạn bè, cảm giác bị hấp dẫn bởi người khác giới, việc đã từng hẹn hò với người khác giới, việc truy cập Internet và tiếp xúc với tài liệu khiêu dâm. Vậy trong số những yếu tố này, đâu là yếu tố thực sự ảnh hưởng đến thái độ chấp nhận VTN và TN về QHTD trước hôn nhân? Điều này sẽ được phân nào làm sáng tỏ qua phân tích mô hình hồi quy phi tuyến logistic (Bảng 2).

Kết quả phân tích bằng mô hình hồi quy phi tuyến logistic cho thấy yếu tố đã từng QHTD là yếu tố quan trọng quyết định sự đồng tình với QHTD trước hôn nhân của VTN và TN Hà Nội. Thanh thiếu niên đã từng QHTD đồng tình với QHTD trước hôn nhân cao gấp 4 lần nhóm chưa có hành vi này (hệ số Exp (B) ở nhóm có QHTD trước hôn nhân (nhóm so sánh) nhận giá trị bằng 1 so với giá trị này ở nhóm không QHTD trước hôn nhân là 0,232). Đối với những VTN và TN đã từng vượt qua chuẩn mực “không nên QHTD” trước hôn nhân, thì có lẽ họ nhìn nhận hiện tượng này đơn giản và dễ dàng hơn.

Yếu tố giới tính chi phối khá mạnh đến thái độ của VTN và TN với QHTD trước hôn nhân. Nam thanh niên có khả năng chấp nhận QHTD

Bảng 2. Mô hình hồi quy logistic về tác động của các yếu tố đến thái độ chấp nhận QHTD trước hôn nhân của VTN và TN

Biến độc lập	B	Hệ số Exp (B)	N
Tuổi			
14-17 (Ref.)		1	1678
18-21	0,184	1,202	2907
22-24	0,036	1,037	1619
Giới tính			
Nam (Nữ =1)	0,986	2,680***	3127
Đã QHTD			
Không (Có =1)	-1,461	0,232***	5932
Trao đổi với cha về các vấn đề tình dục			
Không (Có =1)	-0,171	0,883	5559
Trao đổi với mẹ về các vấn đề tình dục			
Không (Có =1)	-0,032	0,968	4808
Mức độ gần gũi với mẹ			
Không/ít gần gũi (Ref.)		1	825
Tương đối gần gũi	0,060	1,062	2566
Rất gần gũi	0,054	1,056	2740
Lo sợ làm cha mẹ tức giận			
Không (Có =1)	0,513	1,670***	5408
Cần hòa nhập với bạn bè			
Không (Có =1)	0,470	1,600*	6042
Phần lớn bạn thân đã QHTD			
Không (Có =1)	-0,362	0,696**	5408
Đã từng hẹn hò với bạn khác giới			
Không (Có =1)	0,050	0,952	3461
Bị hấp dẫn bởi người khác giới			
Không (Có =1)	-0,429	0,651***	1617
Truy cập Internet			
Không (Có =1)	0,054	1,055	851
Tiếp cận tài liệu khiêu dâm			
Không (Có =1)	-0,438	0,646***	4319
Hàng số			
	0,856	2,354**	

Mức ý nghĩa thống kê: *P<0,05 **P<0,01 ***P<0,001

Ref: Nhóm so sánh

cao gấp hơn 2 lần nữ. Có lẽ sự cởi mở của xã hội đối với QHTD trước hôn nhân ở nam giới đã góp phần vào hiện tượng này.

Nỗi lo sợ về việc cha mẹ tức giận có quan hệ chặt chẽ với thái độ chấp nhận QHTD trước hôn nhân của VTN và TN. Những người không sợ cha mẹ giận đồng tình với QHTD trước hôn nhân cao gấp 1,67 lần so với nhóm lo sợ điều này. Như vậy, sự nghiêm khắc của cha mẹ khiến cho VTN và TN cân nhắc hơn trước quyết định có QHTD trước hôn nhân.

Thái độ chấp nhận QHTD trước hôn nhân của VTN và TN Hà Nội chịu ảnh hưởng khá mạnh từ việc họ đã từng bị hấp dẫn và muốn được gần gũi về mặt thể xác với bạn khác giới. VTN và TN từng có cảm giác này ủng hộ QHTD trước hôn nhân cao gấp đôi những người chưa trải qua cảm giác này. Ngược lại, biến số hẹn hò với bạn khác giới không có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ chấp thuận QHTD trước hôn nhân.

Tỷ lệ VTN và TN có xem/nghe/đọc tài liệu khiêu dâm đồng ý QHTD trước hôn nhân cao gấp 2 lần so với nhóm không có hành vi này. Điều này một lần nữa cho thấy cần phải có các biện pháp quản lý nghiêm ngặt hơn các loại hình tài liệu này.

Hai yếu tố về nhóm bạn đều có ảnh hưởng nhất định đến thái độ chấp thuận QHTD trước hôn nhân của VTN và TN. Những thanh thiếu niên có phần lớn bạn thân đã QHTD có khả năng chấp nhận hành vi này cao gấp 2 lần nhóm còn lại. Đáng chú ý là kết quả phân tích đa biến cho thấy nhóm VTN và TN không thấy cần QHTD trước hôn nhân để hòa nhập với bạn bè lại có mức độ đồng tình cao hơn với QHTD trước hôn nhân. Tuy nhiên, các bằng chứng từ nghiên cứu chưa cho phép lý giải sâu hơn về hiện tượng này.

Kết quả phân tích cho thấy các yếu tố độ tuổi, mức độ gần gũi với mẹ và việc trao đổi với cha/mẹ các vấn đề liên quan đến tình dục không tác động đáng kể đến sự chấp thuận QHTD trước hôn nhân. Internet được xem là yếu tố góp phần làm tăng sự cởi mở của thanh thiếu niên với QHTD trước hôn nhân. Tuy nhiên, ảnh hưởng của Internet trong khảo sát này không có nhiều tác động. Điều này có thể do nội dung khảo sát về việc truy cập Internet ở đây còn khá chung.

Như vậy, các yếu tố giới tính, việc đã có QHTD, nỗi lo sợ cha mẹ tức giận, yếu tố nhóm bạn thân, cảm giác bị hấp dẫn bởi người khác giới và tiếp cận tài liệu khiêu dâm có tác động đến sự chấp thuận QHTD trước hôn nhân của VTN và TN Hà Nội. Kết quả phân tích đa biến không cho thấy bằng chứng về ảnh hưởng của độ tuổi, mức độ gần gũi với mẹ, việc trao

đối với cha/mẹ các vấn đề liên quan đến tình dục, việc hẹn hò với bạn khác giới, truy cập Internet đến sự chấp thuận này.

4. Kết luận

Nhìn chung, thanh thiếu niên Hà Nội không ủng hộ QHTD trước hôn nhân nhưng họ có cái nhìn cởi mở hơn so với các quan điểm truyền thống. Việc chấp nhận QHTD trước hôn nhân ở VTN và TN chịu ảnh hưởng mạnh từ yếu tố giới tính và việc đã có QHTD. Nỗi lo sợ cha mẹ tức giận làm giảm mức độ đồng tình với QHTD trước hôn nhân của VTN và TN. Ngược lại, các yếu tố tiếp cận với tài liệu khiêu dâm, phần lớn bạn thân đã QHTD và cảm giác bị hấp dẫn bởi người khác giới làm tăng khả năng chấp nhận hành vi này.

Không gian đô thị Hà Nội, nơi nhóm thanh thiếu niên được khảo sát sống, được mô tả là “thấm đẫm các biểu hiện ham thích nhục dục và tình cảm” (Gammeltoft, 2006). Lứa tuổi thanh thiếu niên lại là thời kỳ có nhiều biến động mạnh về tâm, sinh lý, tính dục và ham muốn giới tính thường bắt đầu phát triển mạnh. Tuy nhiên, tỷ lệ thanh thiếu niên ủng hộ QHTD trước hôn nhân không cao cho thấy chuẩn mực không QHTD trước hôn nhân phần nào vẫn đang được tôn trọng, nhất là ở các bạn gái. Số liệu nghiên cứu cũng chỉ ra rằng giá trị kiểm soát của chuẩn mực này không còn chặt chẽ như trước. Thái độ của VTN và TN đối với QHTD trước hôn nhân có xu hướng cởi mở hơn. Nói cách khác, chuẩn mực không QHTD trong nhóm thanh thiếu niên Hà Nội không phải là một giá trị bất biến mà đang có sự vận động và dần biến đổi. Điều này đặt ra một vấn đề rằng liệu có một chuẩn mực mới nào sẽ thay thế hay chuẩn mực “không QHTD trước hôn nhân” sẽ tiếp tục được củng cố hay cả hai cùng song song tồn tại.

Trong khi chuẩn mực không nên QHTD trước hôn nhân không còn ý nghĩa như xưa, việc tăng cường giáo dục giới tính/tình dục giúp thanh thiếu niên có kiến thức đầy đủ để tự bảo vệ mình có vai trò quan trọng, đặc biệt từ gia đình và nhà trường. Điều này đòi hỏi người lớn, trực tiếp và trước hết là những người làm cha mẹ cần gỡ bỏ rào cản về tâm lý cũng như khắc phục những thiếu hụt về kiến thức khi trao đổi về QHTD trước hôn nhân nói riêng, và các vấn đề về sức khỏe sinh sản/ tình dục nói chung với thanh thiếu niên. Bản thân VTN và TN cũng cần chủ động tìm hiểu những kiến thức về sức khỏe sinh sản/tình dục từ những nguồn thông tin chính thống để có tri thức chính xác và đầy đủ. Chỉ khi được trang bị kiến thức đầy đủ và khoa học, họ mới có thể lường hết những hậu quả của

QHTD trước hôn nhân và cần nhắc để đưa ra quyết định đúng đắn hơn. ■

Tài liệu tham khảo

- Anna Runeborg. 2004. *Tính dục – một sức mạnh siêu phàm*. Sida.
- Barbara S. Mensch, Wesley H. Clark and Dang Nguyen Anh. 2002. *Premarital sex in Vietnam: is the current concern with adolescent reproductive health warranted?* Policy research division working papers, Population Council.
- Bộ Y tế, Tổng cục thống kê, UNICEF, WHO. 2005. *Điều tra Quốc gia về Vị thành niên và Thanh niên Việt Nam (SAVY)*.
- Daniele Belanger và Khuất Thu Hồng. 1996. *Kết quả nghiên cứu về tình dục và nạo thai trước hôn nhân của nữ thanh niên trên địa bàn Hà Nội*.
- Khuất Thu Hồng, Lê Bạch Dương, Nguyễn Ngọc Hường. 2009. *Tình dục trong xã hội Việt Nam đương đại chuyện dễ đùa khó nói*. Nxb. Tri thức.
- Khuất Thu Hồng. 1998. *Nghiên cứu tình dục ở Việt Nam: những điều đã biết và chưa biết*. Population Council.
- Lê Bạch Dương, Nguyễn Thị Vân Anh, Khuất Hải Oanh, Đoàn Kim Thắng, Nguyễn Thị Văn. 2001. *Tổng quan về nghiên cứu tình dục ở Việt Nam*. Viện nghiên cứu phát triển.
- Marrshall B. Clonard, Robert F. Meier. 1997. *Sociology of deviant behavior*. 8th edition, Marcourt Brace College Publisher.
- Ministry of Health. 2006. SAVY gender report. Gender differences in Attitudes and Behaviors Relating to Sexual Relations.
- Ngô Đức Anh, Michael W. Ross và Eric A. Ratliff. 2009. “Ảnh hưởng của Internet lên thực hành tình dục trong thanh thiếu niên Hà Nội, Việt Nam”. *Chuyên san “Giới, tình dục và sức khỏe tình dục”*, số 17/2009.
- Nguyễn Minh Thắng và Tine Gammeltoft. 1999. *Tình yêu chúng em không giới hạn*. Nxb. Thanh Niên.
- Susan Wood. 2007. *Kết nối tình dục và thay đổi xã hội: các chiến lược cho hành động và đầu tư*. Nxb. Thế giới.
- Population Council. 1998. *Vietnamese youth reproductive health needs in the Đổi Mới era: challenges and opportunities*.
- Sharon Ghuman, Vu Manh Loi, Vu Tuan Huy and John Knodel. 2005. *Continuity and change in premarital sexual behaviour in Vietnam*. Population studies research center report 05-585. Tine Gammeltoft. 2006. “Là một người đặc biệt đối với một ai đó”. *Chuyên san “Giới, tình dục và sức khỏe tình dục”*, số 11/2006.
- Trịnh Văn Thắng. 2004. “Giao tiếp giữa bố mẹ và vị thành niên về tình dục: nội